

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NGÀNH : LUẬT

Sinh viên : Nguyễn Văn Cương

HẢI PHÒNG – 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ THỰC
TIỄN TẠI HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: LUẬT**

Sinh viên : Nguyễn Văn Cương

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Vũ Thị Thanh Lan

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Văn Cương

Mã SV: 1712901001

Lớp : PL2101

Ngành : Luật

Tên đề tài: Pháp luật về đăng ký kinh doanh và thực tiễn tại Hải Phòng

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	3
MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH	
1.1.Khái quát chung về những vấn đề đăng ký kinh doanh	6
1.1.1.Khái niệm đăng ký kinh doanh	6
1.1.2.Đặc điểm đăng ký kinh doanh	8
1.1.3.Ý nghĩa đăng ký kinh doanh	11
1.2.Các yếu tố ảnh hưởng và chi phối việc đăng ký kinh doanh	14
1.2.1.Đảm bảo thực hiện quyền tự do kinh doanh	14
1.2.2.Các yếu tố chính trị, văn hoá, xã hội	14
1.3.Pháp luật về đăng ký kinh doanh	16
1.3.1. Khái niệm pháp luật về đăng ký kinh doanh	16
1.3.2.Đặc điểm pháp luật về đăng ký kinh doanh	17
1.3.3.Nguyên tắc cơ bản của pháp luật về đăng ký kinh doanh	20
CHƯƠNG 2:PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH	
2.1.Đăng ký doanh nghiệp	23
2.1.1.Điều kiện thành lập	23
2.1.1.1.Điều kiện về chủ thể thành lập	23
2.1.1.2.Điều kiện về vốn	28
2.1.1.3.Điều kiện về ngành nghề kinh doanh	29
2.1.1.4.Điều kiện về tên gọi, trụ sở, cơ cấu tổ chức	32
2.1.2.Thẩm quyền cấp đăng ký doanh nghiệp	34
2.1.3. Hình thức đăng ký kinh doanh theo quy định Luật Doanh nghiệp 2020	35
2.1.4.Thủ tục đăng ký doanh nghiệp	36
2.1.5.Ý nghĩa của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	39

2.2.Đăng ký hộ kinh doanh cá thể của cá nhân có đăng ký kinh doanh	39
2.2.1.Điều kiện đăng ký hộ kinh doanh cá thể	39
2.2.2.Thủ tục đăng ký hộ kinh doanh cá thể	40
2.3.Đăng ký hợp tác xã	41
2.3.1.Điều kiện đăng ký hợp tác xã	41
2.3.2.Thủ tục đăng ký hợp tác xã	41
CHƯƠNG 3 THỰC TIỄN ĐĂNG KÝ KINH DOANH TẠI HẢI PHÒNG – MỘT SỐ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP	
3.1.Khái quát chung về tình hình đăng ký kinh doanh	43
3.2.Thực tiễn đăng ký kinh doanh tại Hải Phòng, thuận lợi, khó khăn	44
3.3.Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật điều chỉnh đăng ký kinh doanh	49
3.3.1.Về chủ thể kinh doanh	49
3.3.2.Về ngành nghề kinh doanh	51
3.3.3.Về thủ tục đăng ký kinh doanh	53
3.3.4.Về tổ chức hoạt động đăng ký kinh doanh	54
KẾT LUẬN CHUNG	56
TÀI LIỆU THAM KHẢO	57

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận này, em xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô Vũ Thị Thanh Lan, đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khóa luận tốt nghiệp.

Em chân thành cảm ơn quý thầy, cô trong Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng đã tận tình truyền đạt kiến thức trong những năm em học tập. Với vốn kiến thức được tiếp thu trong quá trình học không chỉ là nền tảng cho quá trình làm việc mà còn là hành trang quý báu để em bước vào đời một cách vững chắc và tự tin.

Cuối cùng em kính chúc quý thầy, cô dồi dào sức khỏe và thành công trong sự nghiệp cao quý trong công việc của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 23 tháng 4 năm 2022

Sinh viên

Nguyễn Văn Cương

MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, cộng đồng doanh nhân Việt Nam đã từng bước phát triển lớn mạnh và đang được khích lệ lớn bởi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Chính phủ đã có những chương trình hành động thể hiện sự quyết tâm tiếp tục cải cách, đổi mới, hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc tạo dựng môi trường kinh doanh thông thoáng và cởi mở hơn....

Để đạt được những thành tựu trên, Đảng và Nhà nước luôn có những chính sách, chủ trương để tạo mọi điều kiện, thu hút các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh. Chủ thể kinh doanh khi gia nhập thị trường phải thực hiện đăng ký kinh doanh. Bởi lẽ, đăng ký kinh doanh là một thủ tục pháp lý “khai sinh và thừa nhận” sự ra đời của các chủ thể kinh doanh. Do vậy, bất cứ chủ thể kinh doanh thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật muốn tiến hành sản xuất, kinh doanh đều có thể đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thông qua các hoạt động đăng ký kinh doanh, chủ thể sẽ được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, để phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, quy trình cải cách đăng ký kinh doanh đã có những đổi mới. Nhà nước Việt Nam đã chính thức thống nhất quy trình đăng ký kinh doanh với đăng ký thuế, áp dụng một mã số duy nhất định danh cho doanh nghiệp.

Hoạt động đăng ký kinh doanh được phát triển theo thời gian và phù hợp với thực tế qua quy định của các Luật Doanh nghiệp năm 1999, 2005, 2014, 2020 cùng với đó là những văn bản khác hướng dẫn thi hành về đăng ký kinh doanh. Hệ thống quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh đã tạo ra môi trường thu hút mọi nguồn lực đầu tư và duy trì việc quản lý, giám sát doanh nghiệp. Nhà nước bảo hộ và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện hành vi kinh doanh từ khâu đăng ký thành lập, đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và cả khi doanh nghiệp rút khỏi thị trường, đồng thời luôn quan tâm phát triển pháp luật về đăng ký kinh doanh để quy định đầy đủ cho các loại hình doanh nghiệp có cơ sở pháp lý khi ra đời hoạt động nhằm đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích.

Ngoài ra, hoạt động đăng ký kinh doanh là một trong những hình thức để thực hiện quyền tự do kinh doanh thúc đẩy các chủ thể kinh doanh tham gia vào “một sân chơi chung”. Tuy nhiên, từ quy định của pháp luật cho tới việc thực tiễn triển khai áp dụng vẫn còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, chưa có sự thống nhất, gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, cơ quan đăng ký kinh doanh khó theo dõi đòi hỏi cần có những quy định hợp lý hơn, sát thực hơn, hiệu quả thực thi cao... để phù hợp với thực tế như: quy định pháp luật về sáp nhập, tạm ngừng, chuyển đổi, hợp nhất doanh nghiệp, các thương nhân khi có nhu cầu kinh doanh nhưng không muốn đăng ký kinh doanh, hay hậu quả pháp lý cho các thành viên khi tham gia thành lập công ty tên công ty, thương hiệu của công ty... điều này cần phải có sự nghiên cứu, lý giải cả về lý luận và thực tiễn.

Xuất phát từ các yêu cầu trên, em đã lựa chọn đề tài: “*Pháp luật về đăng ký kinh doanh và thực tiễn tại Hải Phòng*” để làm bài khoá luận tốt nghiệp của mình. Đồng thời qua đó, khoá luận cũng hướng đến việc tìm hiểu, nghiên cứu, so sánh và phân tích những luận điểm, luận cứ khoa học và thực tiễn quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh để nhằm đưa ra những kiến nghị, hướng hoàn thiện phù hợp.

Kết cấu của khoa luận

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về đăng ký kinh doanh và pháp luật về đăng ký kinh doanh

Chương 2: Pháp luật Việt Nam về đăng ký kinh doanh

Chương 3: Thực tiễn đăng ký kinh doanh tại Hải Phòng – Một số kiến nghị giải pháp

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về những vấn đề ĐKKD

1.1.1. Khái niệm đăng ký kinh doanh

Hiện nay, việc mở rộng giao lưu quan hệ thương mại giữa các quốc gia được các nước rất quan tâm. Do đó, đối với mỗi một chủ thể kinh doanh, để gia nhập thị trường và tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải thỏa mãn rất nhiều điều kiện như: chủ thể, vốn, ngành nghề kinh doanh, trụ sở, phương án kinh doanh... một trong những điều kiện đầu tiên và quan trọng nhất là chủ thể kinh doanh phải tiến hành thủ tục đăng ký thành lập với cơ quan quản lý nhà nước nhằm mục đích ghi nhận sự ra đời của các chủ thể kinh doanh đó trên thị trường.

“Đăng ký” được hiểu là hoạt động của một cơ quan nhà nước hoặc một tổ chức cá nhân nào đó được ủy quyền thực hiện việc ghi nhận, xác nhận về một sự việc hay một tài sản nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người được đăng ký cũng như tổ chức, cá nhân đứng ra thực hiện việc đăng ký. Ngoài ra, đăng ký nhà đầu tư cung cấp các thông tin cụ thể của mình để được phép hoạt động kinh doanh.

Theo Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 quy định: “Đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của Nghị định này”.

Mặt khác, cơ quan thực hiện quản lý đăng ký doanh nghiệp hiện nay theo quy định của nhà nước là cơ quan đăng ký kinh doanh.

Theo Khoản 8 Điều 3 Luật đầu tư năm 2020; “*Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh*”.

Từ những ý trên ta có thể hiểu: “Đăng ký kinh doanh là một thủ tục pháp lý mà theo đó nhà đầu tư phải khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về dự kiến hoạt động của mình theo đúng quy định của pháp luật với các nội dung cụ thể, được Nhà nước thừa nhận ghi tên vào sổ đăng ký kinh doanh đồng thời cấp cho chủ thể đăng ký kinh doanh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là bằng chứng pháp lý chứng minh chủ thể kinh doanh tiến hành các hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo hộ”.

Đăng ký kinh doanh được hiểu là một hoạt động pháp lý áp dụng cho các chủ thể kinh doanh khi gia nhập thị trường. Như vậy, để gia nhập thị trường và được hoạt động thì doanh nghiệp cần cả điều kiện cần và đủ cụ thể là: những loại hình kinh doanh, doanh nghiệp chỉ cần điều kiện cần tức là chỉ cần đăng ký doanh nghiệp và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đối với các lĩnh vực, ngành nghề không cần điều kiện, và phải có thêm điều kiện đủ, đối với những lĩnh vực, ngành nghề theo pháp luật đầu tư và chuyên ngành quy định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Thông qua hoạt động Đăng ký kinh doanh các chủ thể sẽ được đảm bảo về quyền và nghĩa vụ, được xác lập một địa vị pháp lý hợp pháp để các chủ thể kinh doanh tiến hành mọi hoạt động kinh doanh chính thức trên thị trường trong nước cũng như thị trường nước ngoài. Do đó, hoạt động đăng ký kinh doanh không chỉ áp dụng cho các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh là những doanh nghiệp mà ở đó còn áp dụng cho cả chủ thể hoạt động kinh doanh khác như hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Đăng ký kinh doanh là một công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước, đồng thời là một công cụ để thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân. Thông qua cơ chế “đăng ký” để công nhận quyền tự do kinh doanh của công dân, thực hiện một cơ chế quản lý mới của nhà nước, xoá bỏ cơ chế “xin cho”,

công dân được kinh doanh tất cả những gì mà pháp luật không cấm, có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong những hoạt động kinh doanh của mình, được tự do lựa chọn hình thức đầu tư kinh doanh phù hợp và được Nhà nước bảo hộ. Do đó, để đạt được mục tiêu gia nhập thị trường cho các chủ thể kinh doanh được thuận lợi, công tác đăng ký kinh doanh phải đơn giản, minh bạch và bình đẳng, thủ tục nhanh gọn, chi phí thấp... Chính những điều này để nhà nước tôn trọng quyền tự do kinh doanh hợp pháp của các chủ thể kinh doanh.

Từ những phân tích trên, có thể khái quát *“Đăng ký kinh doanh là một hoạt động pháp lý trong đó chủ thể kinh doanh thực hiện việc đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký kinh doanh) nhằm ghi nhận sự ra đời của một mô hình kinh doanh và xác định địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh đó trên thị trường”*.

1.1.2.Đặc điểm của đăng ký kinh doanh

Thứ nhất, đăng ký kinh doanh là một thủ tục gia nhập thị trường của các chủ thể kinh doanh

Để bắt đầu tham gia vào hoạt động kinh doanh, công việc đầu tiên của chủ thể kinh doanh phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đảm bảo để hoạt động kinh doanh. Điều kiện đầu tiên phải kể đến là thủ tục gia nhập thị trường hay còn gọi là thủ tục đăng ký kinh doanh.

Đăng ký kinh doanh là hoạt động mà ở đó chủ thể kinh doanh phải thực hiện những thủ tục cần thiết để khai báo với cơ quan quản lý nhà nước về nhu cầu khởi sự kinh doanh. Trong quá trình khai báo các thông tin về nhu cầu khởi sự kinh doanh, chủ thể kinh doanh phải chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. Thông qua việc xem xét tính hợp lệ của hồ sơ cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ cấp giấy phép đăng ký kinh doanh cho chủ thể kinh doanh. Chủ thể kinh doanh sẽ được phép tiến hành hoạt động kinh doanh kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thông qua hoạt động đăng ký kinh doanh, nhà nước thống nhất quản lý các loại hình kinh doanh ngay từ khâu thành lập, coi đó là công cụ khuyến khích

tin thần kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy mọi nguồn lực của xã hội vào công cuộc phát triển kinh tế của đất nước.

Thứ hai, thông qua việc đăng ký kinh doanh, chủ thể kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực chất là một loại văn bản mang tính chất pháp lý do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, cho phép hoặc đồng ý để một chủ thể kinh doanh (cá nhân hoặc tổ chức) tiến hành một hoặc nhiều hoạt động kinh doanh nhất định. Mục đích thông qua việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp giúp nhà nước quản lý, nắm bắt và tổng hợp được tất cả các chủ thể kinh doanh đang hoạt động trên thương trường để thực hiện chức năng thu thuế, đồng thời đặt cơ sở ban đầu cho công tác quản lý trong khâu hậu kiểm, thực hiện việc điều tiết kinh tế vĩ mô và tạo điều kiện đảm bảo sự bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh ngay từ khâu gia nhập thị trường.

Thông qua việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nhà nước lập nên một khung pháp lý để các doanh nghiệp cùng tham gia, hoạt động theo quy định chung không xâm hại lẫn nhau, cạnh tranh lành mạnh, tạo nên môi trường pháp lý thuận lợi, an toàn, hướng đến một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng. Ngoài việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với việc cấp giấy đăng ký doanh nghiệp nhà nước còn điều chỉnh phương thức quản lý hoạt động kinh doanh của mình sao cho phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường như giảm sự can thiệp quá sâu vào việc thực hiện quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh, rút ngắn quy trình thủ tục, phân định rõ chức năng của các cơ quan quản lý nhà nước, điều chỉnh lại cơ chế tác động của các cơ quan nhà nước để phát huy tối đa quyền chủ động của chủ thể kinh doanh với tư cách là những pháp nhân kinh tế độc lập.

Thứ ba, đăng ký kinh doanh là phương thức thực hiện quyền tự do kinh doanh

Quyền tự do kinh doanh là quyền của nhà đầu tư được tự mình lựa chọn quy mô kinh doanh, được tự do quyết định mức vốn đầu tư, số lượng người đầu

tư, phương thức, cách thức huy động vốn đầu tư rồi thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước biết, được quyền tự do lựa chọn ngành nghề kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm, kinh doanh đơn ngành hoặc đa ngành, được quyền lựa chọn loại hình tổ chức kinh tế phù hợp. Do đó, xác định đây là một trong những nội dung của quyền con người nên pháp luật các quốc gia đều ghi nhận ở Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật, cần phải được coi trọng và tạo ra một trường kinh doanh thông thoáng để các chủ thể kinh doanh xuất phát từ nhu cầu, ý chí, nguyện vọng của mình thỏa mãn khát vọng làm giàu, chứ không phải là một đặc quyền mà được nhà nước ban phát thông qua hoạt động cơ chế “xin cho”.

Thứ tư, đăng ký kinh doanh là phương thức đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh.

Kể từ thời điểm đăng ký kinh doanh, mọi hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh sẽ được nhà nước đảm bảo như: công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp, công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, tài sản và vốn đầu tư hợp pháp ...đều là những quyền luôn được nhà nước đảm bảo và ghi nhận, cam kết cho các chủ thể kinh doanh có khả năng phát triển trong một môi trường lành mạnh, ổn định. Mặt khác, với vai trò định hướng cho sự phát triển của thị trường, nhà nước còn thực hiện nhiều chính sách phát triển kinh tế như: chính sách thuế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư... nhằm bảo đảm cho chủ thể kinh doanh thực hiện quyền của mình hiệu quả nhất.

Tự do kinh doanh không có nghĩa là tự do vô tổ chức, mà luôn được đặt trong trật tự của thị trường để bảo đảm sự phát triển có định hướng của thị trường với vai trò quản lý của nhà nước. Những nghĩa vụ kể trên để đảm bảo chủ thể kinh doanh thực hiện đúng cam kết với nhà nước khi đăng ký kinh doanh. Lý thuyết về tự do kinh doanh đã tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh được quyền chủ động lựa chọn ngành nghề và tự kê khai nội dung đăng ký kinh doanh. Với nhà nước, thủ tục đăng ký kinh doanh cung cấp các thông

tin cần thiết về thị trường làm cơ sở cho hoạt động quản lý và xây dựng các chính sách phát triển thị trường hiệu quả. Đối với chủ thể kinh doanh, thủ tục đăng ký kinh doanh xác lập tư cách cho họ, đồng thời, nội dung kê khai khi đăng ký còn là những cam kết của họ trước nhà nước. Vì lẽ ấy, chủ thể kinh doanh phải có trách nhiệm thực hiện đúng những gì đã cam kết, bảo đảm trách nhiệm vật chất đối với hoạt động quản lý của nhà nước và cộng đồng.

1.1.3. Ý nghĩa của việc đăng ký kinh doanh

Đăng ký kinh doanh là một công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước, đồng thời là một công cụ để thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân. Thông qua cơ chế đăng ký Nhà nước công nhận quyền tự do kinh doanh của công dân.

Thứ nhất, đối với Nhà nước, đăng ký kinh doanh là một công cụ quản lý nhà nước đối với các chủ thể kinh doanh

Đăng ký kinh doanh là một thủ tục pháp lý nhằm khai sinh ra một loại hình kinh doanh hoạt động trên thị trường. Kể từ khi các chủ thể kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chủ thể đó sẽ được nhà nước thừa nhận và được đảm bảo về quyền và nghĩa vụ. Do đó, đối với nhà nước, hoạt động đăng ký kinh doanh là một công cụ hữu hiệu để quản lý đối với các chủ thể kinh doanh. Hoạt động đăng ký kinh doanh được thực hiện bởi một bên là cơ quan quản lý nhà nước và một bên là các chủ thể kinh doanh. Đây là quan hệ pháp luật hành chính mang tính chấp hành và điều hành.

Khi thực hiện hoạt động đăng ký kinh doanh, chủ thể kinh doanh là khách thể quản lý trong động này, giúp Nhà nước thực hiện công việc quản lý của mình như:

1. Tập hợp thông tin nắm bắt được tình hình đăng ký kinh doanh của các loại hình kinh doanh như: (tên, địa chỉ trụ sở, ngành, nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật, cơ cấu sở hữu, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp; ý thức tuân thủ pháp luật; tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp...).

2. Định hướng, điều tiết, xây dựng chính sách phát triển kinh tế, xã hội cho đất nước. Căn cứ vào tình hình đăng ký thành lập, số lượng đăng ký thành lập,

loại hình, địa điểm thành lập, ngành, nghề kinh doanh..., các cơ quan chức năng có được những số liệu chính xác nhất về tình hình, xu hướng phát triển thị trường, loại hình kinh doanh, quy mô, lĩnh vực, địa bàn, ngành nghề kinh doanh...

Thứ hai, đối với các chủ thể kinh doanh, đăng ký kinh doanh nhằm bảo vệ quyền lợi của chủ thể kinh doanh, tạo nền tảng cho họ khi trở thành một thực thể kinh tế đủ điều kiện tham gia thị trường. Do vậy, khi đăng ký kinh doanh các chủ thể kinh doanh sẽ được Nhà nước đảm bảo bởi các yếu tố sau:

1. Đây là quá trình đánh dấu sự ra đời của một loại hình kinh doanh, được pháp luật thừa nhận như một thực thể tham gia vào thị trường với đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, chủ thể kinh doanh sẽ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, mã số doanh nghiệp riêng biệt.

2. Những người khởi sự kinh doanh, cùng chung ý tưởng kinh doanh sẽ chịu sự ràng buộc trách nhiệm của mình với doanh nghiệp, chịu trách nhiệm về quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và về tài sản đối với doanh nghiệp.

3. Xây dựng quy mô hoạt động kinh doanh, cùng nhau bàn bạc thảo luận xây dựng nên quy chế hoạt động bằng cách thông qua điều lệ của doanh nghiệp.

4. Sau quá trình thảo luận, đàm phán các chủ thể kinh doanh cùng nhau góp vốn để tiến hành hoạt động kinh doanh. Việc góp vốn sẽ được ghi lại bằng biên bản thỏa thuận vốn góp được ghi vào trong điều lệ doanh nghiệp.

5. Tên doanh nghiệp là tài sản của doanh nghiệp. Do đó, khi đi đăng ký kinh doanh tên doanh nghiệp được xác định tư cách chủ thể độc lập của doanh nghiệp trên thị trường. Tên doanh nghiệp là cơ sở để Nhà nước thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và cũng là cơ sở để phân biệt chủ thể trong quan hệ giữa các doanh nghiệp với nhau và với người tiêu dùng.

6. Qua việc đăng ký kinh doanh, toàn bộ thông tin cơ bản về một loại hình kinh doanh sẽ được nhiều người biết tới thông qua truy cập “*Hệ thống thông tin điện tử*”. Mọi thông tin về doanh nghiệp khi đăng ký thành lập được lưu trữ và

có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp. Qua hệ thống thông tin này, cơ quan chức năng, đối tác, bạn hàng, người tiêu dùng có thể có được thông tin cơ bản, chính xác nhất về loại hình kinh doanh đó.

7. Mỗi một chủ thể kinh doanh đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật chính là cơ sở tạo niềm tin cho đối tác, người tiêu dùng. Khi đăng ký kinh doanh sẽ cho phép mọi người xác minh thông tin về một loại hình kinh doanh mà họ tiếp xúc, làm việc.

Thứ ba, đối với xã hội, sự ra đời của một thực thể kinh doanh thông qua việc đăng ký gia nhập thị trường để phát huy mọi nguồn lực của xã hội, của nhân dân, khắc phục khuynh hướng đầu tư chỉ dựa vào vốn ngân sách nhà nước mà việc sử dụng nguồn vốn này có trình trạng thất thoát, kém hiệu quả.

Hiện nay bất cứ một loại hình kinh doanh nào ra đời đều được niêm yết công khai do đó các thông tin về các loại hình kinh doanh đã thực hiện đăng ký được tập trung tại một hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia duy nhất để công chúng có thể thu thập được bằng cách tìm kiếm thông tin tại cơ quan đăng ký công cộng dưới dạng văn bản hoặc mẫu in sẵn từ máy tính và hoặc mua một bản trích lục về bất kỳ doanh nghiệp nào với một mức lệ phí quy định. Điều này cho phép các cá nhân, cơ quan, Nhà nước và các doanh nghiệp khác có được những thông tin cơ bản về mọi loại hình kinh doanh đang hoạt động trên thị trường như tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh, hình thức pháp lý, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, ...

Đăng ký kinh doanh còn tạo điều kiện cho công chúng nắm bắt được các thông tin về các chủ thể kinh doanh đã được đăng ký, thông qua đó thúc đẩy những bên có liên quan kiểm soát lẫn nhau khi thiết lập và thực hiện các giao dịch. Qua đó, một mặt giảm nhẹ được công việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mặt khác nâng cao độ chính xác và trung thực của các thông tin được đăng ký, góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng giám sát và quản lý nhà nước đối với các loại hình kinh doanh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là bằng chứng pháp lý chứng minh

chủ thể kinh doanh tiến hành các hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp, thừa nhận sự tồn tại của doanh nghiệp trên thương trường, được Nhà nước công nhận và bảo hộ.

1.2.Các yếu tố ảnh hưởng và chi phối hoạt động đăng ký kinh doanh

1.2.1.Đảm bảo thực hiện quyền tự do kinh doanh

Quyền tự do kinh doanh là quyền của con người, là quyền của công dân lựa chọn hình thức tổ chức kinh tế, ngành, nghề và quy mô kinh doanh để tiến hành các hoạt động kinh doanh và tìm kiếm lợi nhuận. Quyền tự do kinh doanh của con người luôn được Nhà nước coi đó là mục tiêu phấn đấu và hoàn thiện để đảm bảo cho con người được thực hiện tối đa và được nhìn nhận dưới góc độ là giá trị tự thân con người (nhân quyền) nhà nước phải tôn trọng để đảm bảo thực thi. Do đó, có thể thấy, quyền tự do kinh doanh là một quyền rất mở của công dân cần phải được mở rộng và đảm bảo thực thi trong đời sống xã hội.

Như vậy, quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền của con người phải được đảm bảo bằng pháp luật. Khi trở thành quyền pháp định, quyền con người trong kinh doanh sẽ được xã hội ghi nhận và được Nhà nước bảo vệ bằng pháp luật.

1.2.2.Các yếu tố về chính trị, văn hoá, xã hội

***Yếu tố chính trị**

Đăng ký kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với bất kể một nền kinh tế nào. Do vậy, việc nhận thức đúng trong tư duy, chính sách, đường lối, chủ trương của Nhà nước sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu khởi sự của công dân. Một nền chính trị ổn định, phù hợp sẽ tạo nên môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, các nhà đầu tư sẽ được đảm bảo an toàn về đầu tư đủ thời gian kinh doanh để thu hồi được vốn và tìm kiếm lợi nhuận, thậm chí còn thu hút các nhà đầu tư với những dự án đầu tư dài hạn. Nếu nền chính trị không ổn định sẽ gây ảnh hưởng tới lợi ích, dự định, kế hoạch góp vốn làm giàu của công dân.

Chủ trương, chính sách của Nhà nước luôn phấn đấu hoàn thiện đồng bộ hệ

thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển, vận hành thông suốt, hiệu quả các loại thị trường và bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch.

*Yếu tố kinh tế

Hiện nay, chính sách phát triển kinh tế chú trọng đến việc mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà luật pháp không cấm, xây dựng, thực thi đồng bộ, hiệu quả cơ chế hậu kiểm, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, kiểm soát độc quyền kinh doanh. Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp, nhất là các doanh nghiệp cổ phần.

Trong quản lý và phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cần phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước, đồng thời kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực theo quy định của pháp luật. Mọi chủ trương, chính sách phát triển kinh tế cần phải được hoạch định cụ thể, góp phần giúp chủ thể kinh doanh xác định, xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp.

*Yếu tố văn hoá xã hội

Môi trường văn hóa - xã hội bao gồm những chuẩn mực và giá trị được chấp nhận và tôn trọng bởi một xã hội hoặc một nền văn hóa cụ thể. Sự thay đổi của các yếu tố văn hóa - xã hội có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các hoạt động kinh doanh như: những quan niệm về đạo đức, thẩm mỹ, lối sống, nghề nghiệp, phong tục, tập quán, truyền thống, trình độ nhận thức, học vấn chung của xã hội...

Khi các chủ thể kinh doanh có nhu cầu khởi sự doanh nghiệp, đòi hỏi mỗi một chủ thể cần phân tích rộng rãi các yếu tố xã hội nhằm nhận biết các cơ hội và nguy cơ có thể xảy ra. Khi một hay nhiều yếu tố văn hóa xã hội thay đổi có

thể tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: xu hướng nhân chủng học, sở thích vui chơi giải trí, chuẩn mực đạo đức và quan điểm về mức sống, cộng đồng kinh doanh và lao động nữ.

***Môi trường thông tin**

Môi trường thông tin có vai trò quan trọng đối chủ thể kinh doanh trong tất cả các vấn đề, từ: xác định và định hướng nhu cầu thị trường, xây dựng phương án kinh doanh, quyết định phương thức huy động vốn, tuyển dụng nhân sự, lựa chọn công nghệ, lựa chọn cách thức tổ chức quản lý, đến tìm kiếm đối tác, tìm kiếm khách hàng, xây dựng và quảng bá thương hiệu, thay đổi thái độ doanh nghiệp của mình cũng như nhiều vấn đề quan trọng khác.

Hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý đăng ký kinh doanh được phổ biến rộng rãi. Chủ thể kinh doanh khi có nhu cầu khởi sự hoạt động kinh doanh việc tìm hiểu những điều kiện cần và đủ trước khi thành lập doanh nghiệp rất thuận lợi, không những thế, việc thực hiện đăng ký kinh doanh không chỉ áp dụng thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh mà chủ thể kinh doanh còn có thể ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện việc đăng ký của mình.

1.3.Pháp luật Việt Nam về đăng ký kinh doanh

1.3.1. Khái niệm pháp luật về đăng ký kinh doanh

Bắt đầu từ năm 1986, Chính phủ đã chủ trương tự do hóa thương mại và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân. Với nhiều biện pháp nhằm giải tỏa bớt rào cản cho nền kinh tế được tự do lưu thông. Từ đó, nền kinh tế Việt Nam nói chung, đặc biệt là khối kinh tế tư nhân bắt đầu phát triển mạnh.

Chính vì sự phát triển mạnh mẽ của khối kinh tế tư nhân, đòi hỏi Nhà nước phải ban hành những chính sách pháp lý phù hợp để điều chỉnh hoạt động của những chủ thể kinh doanh này.

Luật Công ty 1990 và Luật doanh nghiệp tư nhân 1990 là những văn bản pháp lý đầu tiên quy định về việc thành lập và hoạt động của các chủ thể kinh doanh thuộc thành phần kinh tế tư nhân. Lúc này, khối kinh tế tư nhân được

pháp luật quy định gồm các loại hình: Công ty TNHH, Công ty cổ phần (theo Luật Công ty 1990) và Doanh nghiệp tư nhân (theo Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990).

Sự ra đời của Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990 và Luật Công ty 1990 tuy còn quy định sơ sài nhưng đó là một sự kiện trọng đại, mở ra một hành lang pháp lý và con đường phát triển của doanh nghiệp khởi tư nhân.

Trong quá trình thực thi thủ tục đăng ký kinh doanh, cả doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như các cơ quan nhà về kinh tế có liên quan đều phải chịu sự tác động và điều chỉnh của pháp luật, vì vậy, có thể đưa ra khái niệm: *“Pháp luật về đăng ký kinh doanh là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để nhằm điều chỉnh những vấn đề về điều kiện, nội dung và trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh của các chủ thể kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh”*.

1.3.2.Đặc điểm pháp luật về đăng ký kinh doanh

Thứ nhất, pháp luật về đăng ký kinh doanh là một chế định pháp luật về gia nhập thị trường

Bất kể một nền kinh tế nào thì doanh nghiệp vẫn đóng vai trò trung tâm góp phần tăng trưởng phát triển kinh tế. Việc tạo lập khung pháp lý về quy trình thành lập doanh nghiệp là một điều hết sức cần thiết không chỉ tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh mà còn giúp nhà nước trong việc quản lý “đầu vào” hoạt động kinh doanh đối với các doanh nghiệp, nắm bắt được tình hình phát triển kinh tế trong các ngành, các lĩnh vực để từ đó đưa ra những chính sách phù hợp điều tiết nền kinh tế. Do vậy, pháp luật về đăng ký kinh doanh không chỉ dừng lại là một văn bản dưới luật mà còn có cả một đạo luật riêng quy định về vấn đề này.

Xác định được vai trò, ý nghĩa của công tác đăng ký kinh doanh nên ở các quốc gia đều ban hành những QPPL về ĐKKD dưới hình thức là đạo luật riêng, hay đạo luật chung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm tạo

hành lang pháp lý, cho phép sự ra đời, xây dựng và phát triển hệ thống cơ quan đảm nhiệm chức năng đăng ký kinh doanh để tiến hành công việc đăng ký kinh doanh một cách công khai. Các quy định về chủ thể thành lập, hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện để được đăng ký kinh doanh, điều kiện tên doanh nghiệp, điều kiện, trụ sở chính của doanh nghiệp đều quy định rõ ràng, tạo điều kiện cho chủ thể kinh doanh có nhu cầu khởi sự thành lập kinh doanh dễ dàng áp dụng đúng ngay từ khâu đầu tiên.

Thứ hai, pháp luật về đăng ký kinh doanh là một thủ tục mang tính “hành chính”

Pháp luật về đăng ký kinh doanh là một thủ tục mang tính hành chính, qua đó người đại diện doanh nghiệp phải khai báo với cơ quan quản lý nhà nước (cơ quan đăng ký kinh doanh) về tình hình nhu cầu hoạt động kinh doanh của mình. Sự khai báo thông qua hình thức “đăng ký” là một thủ tục hành chính để Nhà nước ghi nhận sự ra đời của doanh nghiệp. Qua đó, các nhà đầu tư xác nên quyền và nghĩa vụ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và/hoặc được ghi trong “*giấy phép kinh doanh*”, được cấp bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện. Đây là một hình thức pháp lý của quan hệ pháp luật hành chính. Một bên là cá nhân, tổ chức có yêu cầu đăng ký kinh doanh, một bên là cơ quan quản lý hành chính nhà nước dựa theo quy định của pháp luật để xem xét tính hợp lệ của hồ sơ rồi cấp giấy đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp. Toàn bộ quy trình đăng ký kinh doanh đòi hỏi các chủ thể phải tuân theo quy định của pháp luật, như chủ thể đăng ký kinh doanh phải chuẩn bị hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và phải có trách nhiệm trả lời cho chủ thể đăng ký kinh doanh biết về hồ sơ của mình có được chấp nhận hay không. Toàn bộ quy trình đều phải tuân theo quy định của pháp luật để buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật đăng ký kinh doanh phải thực hiện nghiêm chỉnh.

Thứ ba, pháp luật về đăng ký kinh doanh là một dịch vụ công do Nhà nước thực hiện

Pháp luật về đăng ký kinh doanh quy định cơ quan chịu trách nhiệm giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh là cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính... Đây là cơ quan do Nhà nước ủy quyền để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh. Thông qua hoạt động đăng ký kinh doanh doanh nghiệp được xác lập tư cách pháp lý, nhà nước nắm bắt được tình hình đăng ký doanh nghiệp để điều tiết nền kinh tế, từ đó, ban hành những chính sách phù hợp trong công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp. Mặt khác, việc thực hiện công tác đăng ký kinh doanh cho chủ thể kinh doanh là Nhà nước thực hiện và đảm bảo *“Công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp; bảo đảm bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; thừa nhận tính sinh lợi hợp pháp của hoạt động kinh doanh”*.

Sở dĩ đây là một loại dịch vụ công vì theo nguyên tắc về quyền tự do kinh doanh, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp là quyền tự do của các nhà đầu tư (với sự bảo lưu của những yêu cầu cần thiết về điều kiện kinh doanh và kinh doanh có điều kiện). Vì vậy, nhà đầu tư được tự do đăng ký thành lập doanh nghiệp theo tinh thần *“được làm những gì mà pháp luật không cấm”*. Theo đó, việc tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh không phải là một thủ tục hành chính theo nghĩa truyền thống (ban hành quyết định hành chính: xin – cho). Khi đó, cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ làm một hoạt động cung cấp dịch vụ theo pháp luật quy định (dịch vụ công).

Thứ tư, pháp luật về đăng ký kinh doanh mang đặc trưng công bố thông tin trong xã hội

Pháp luật là một hiện tượng của đời sống xã hội. Giá trị xã hội của pháp luật chứa đựng các giá trị xã hội vốn có và được quy định bởi thuộc tính điều chỉnh và tính quy phạm riêng có của nó. Do vậy, pháp luật về đăng ký kinh doanh cũng phải lệ thuộc vào sự phát triển của xã hội. Bởi lẽ, hoạt động kinh doanh thuận lợi hay khó khăn cũng chịu sự tác động của sự phát triển của xã hội. Cho nên, Nhà nước cần phải xem xét xã hội phát triển đến đâu thì ban hành

pháp luật cho phù hợp đến đó, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh thì hệ thống pháp luật phù hợp sẽ thúc đẩy, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển rất nhiều. Ngoài ra, pháp luật về đăng ký kinh doanh còn đảm bảo cho những chủ thể khi tham gia hoạt động kinh doanh đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, đều phải thực hiện những nhu cầu về quyền lựa chọn hành vi và trách nhiệm của mình thông qua các phạm trù pháp lý như quyền chủ thể, nghĩa vụ chủ thể, năng lực hành vi... khi có nhu cầu thành lập doanh nghiệp. Khi chủ thể kinh doanh có ý tưởng khởi sự kinh doanh, thì việc tiếp cận quy trình đăng ký một cách công khai chính thức với những thông tin rõ ràng, minh bạch, sẽ định hướng cho chủ thể phải chuẩn bị những điều kiện, thủ tục để đạt được mục đích của mình. Đồng thời, pháp luật đăng ký kinh doanh cũng cảnh báo những hậu quả pháp lý có thể xảy ra khi chủ thể kinh doanh có những hành vi vi phạm pháp luật đăng ký kinh doanh. Từ đó, thông qua ý thức của chủ thể kinh doanh mà thực hiện sao cho đúng quy trình đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Chính vì lẽ đó, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp vừa là một nhu cầu tất yếu, vừa là đòi hỏi mang tính nghĩa vụ đối với mỗi doanh nghiệp khi gia nhập thị trường.

1.3.3. Nguyên tắc cơ bản của pháp luật về đăng ký kinh doanh

Một là: Nguyên tắc đảm bảo quyền tự do kinh doanh

Quyền tự do thành lập doanh nghiệp và đăng kí kinh doanh là nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, là tiền đề để thực hiện các quyền khác thuộc nội dung của quyền tự do kinh doanh. Để thực hiện quyền tự do kinh doanh, các chủ thể kinh doanh trước hết phải xác lập tư cách pháp lý cho doanh nghiệp, thông qua tư cách đó để tiến hành các hoạt động kinh doanh. Khi thực hiện quyền tự do thành lập doanh nghiệp, các nhà đầu tư có khả năng quyết định lựa chọn mô hình kinh doanh và lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh thích hợp để tiến hành hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Kể từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, nước ta chủ trương mở rộng quyền tự do thành lập doanh nghiệp cho nhiều đối tượng có khả năng đầu tư khác

trong xã hội. Pháp luật về doanh nghiệp từng bước được cải thiện theo hướng ngày càng bảo đảm tốt hơn quyền tự do thành lập doanh nghiệp. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh được nhà nước cụ thể hóa trong nhiều nội dung pháp lý quan trọng, đặc biệt cụ thể trong Hiến pháp, các đạo luật để quy định cụ thể về địa vị pháp lý của doanh nghiệp, xác lập tư cách pháp lý cho doanh nghiệp. Với nguyên tắc tự do kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thành lập doanh nghiệp được coi là quyền cơ bản của nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc thành lập doanh nghiệp có ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của toàn xã hội. Vì vậy, việc thành lập doanh nghiệp phải được thực hiện trong khuôn khổ của pháp luật. Các quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp, một mặt phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh của chủ đầu tư, mặt khác phải đảm bảo yêu cầu quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp.

Hai là: Nguyên tắc đảm bảo quyền bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh

Bình đẳng trước pháp luật là những nguyên lý của pháp luật được thể hiện qua các quy định cụ thể (các quy phạm pháp luật) thiết lập về quyền được đối xử một cách như nhau, công bằng giữa mọi công dân trước pháp luật, theo đó, mọi công dân, nam, nữ thuộc các dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau trong một quốc gia đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 7 Bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền: “Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, và phải được bảo vệ một cách bình đẳng, không kỳ thị phân biệt. Tất cả đều được quyền bảo vệ ngang nhau, chống lại mọi kỳ thị vi phạm Bản Tuyên Ngôn này, cũng như chống lại mọi k ch động dẫn đến kỳ thị như vậy”

Như vậy, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật là một nội dung xuyên suốt tư tưởng lập pháp của nước ta. Tuy nhiên, quyền bình đẳng của các chủ thể kinh doanh khi tham gia đăng ký kinh doanh đều có vị thế ngang nhau trước pháp

luật và có quyền không bị phân biệt đối xử, trước pháp luật. Các chủ thể kinh doanh khi có nhu cầu khởi sự doanh nghiệp đều được hoạt động và chịu sự điều chỉnh trong cùng một chế định pháp luật về đăng ký kinh doanh sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ như nhau, không phân biệt quy mô, loại hình, lĩnh vực đầu tư, ngành nghề, số vốn... Đây là những quyền mà chủ thể kinh doanh có được trước pháp luật được nhà nước thừa nhận là quyền công dân, có tư cách pháp lý như nhau.

Ba là: Nguyên tắc công khai, minh bạch trong đăng ký kinh doanh

Hiện nay, nhà nước ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền “của dân, do dân và vì dân, mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân” việc minh bạch trong hoạt động quản lý đăng ký kinh doanh là một điều đương nhiên để nhằm bảo đảm bản chất dân chủ của xã hội, thể hiện quyền của người dân trong việc tham gia quản lý nhà nước. Công khai, minh bạch là điều để các chủ thể kinh doanh khi có nhu cầu kinh doanh họ sẽ biết được toàn bộ quy trình, thủ tục, các điều kiện cần và đủ cho công tác đăng ký kinh doanh. Chủ thể khởi sự doanh nghiệp sẽ dễ dàng tiếp cận được thông tin kể cả trong trường hợp có sự thay đổi, bổ sung các quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh. Đồng thời sự minh bạch công khai đòi hỏi chủ thể kinh doanh có trách nhiệm khai báo thông tin trong hồ sơ đăng ký kinh doanh trung thực, chính xác. Ngoài ra, khi đã công khai minh bạch khắc phục tệ quan liêu tham nhũng, làm trong sạch bộ máy quản lý, tránh việc nhũng nhiễu, cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn của chính các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh. Doanh nghiệp có quyền giám sát, đánh giá cách làm việc của cán bộ công chức, để cần thiết có những chế tài xử lý đối với những bộ phận đó làm trong sạch bộ máy quản lý nhà nước. Do đó, công khai minh bạch trước hết là nhằm bảo đảm bản chất dân chủ của xã hội, thể hiện quyền của người dân trong việc tham gia quản lý nhà nước, đây cũng là một yêu cầu cần thiết để thành công trong hội nhập quốc tế.

CHƯƠNG 2

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đăng ký kinh doanh là một hoạt động pháp lý trong đó chủ thể kinh doanh thực hiện việc đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm ghi nhận sự ra đời của một mô hình kinh doanh và xác định địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh đó trên thị trường. Hay đó chính là sự ghi nhận bằng văn bản của nhà nước chứng nhận tính pháp lý về sự ra đời của chủ thể kinh doanh. Nội hàm của “đăng ký kinh doanh” rộng bao gồm “đăng ký doanh nghiệp” và “đăng ký kinh doanh” đối với các tổ chức kinh tế khác không phải doanh nghiệp như hộ kinh doanh cá thể của cá nhân có đăng ký kinh doanh.

2.1. Đăng ký doanh nghiệp

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp 2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp “Đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp”. Đăng ký doanh nghiệp - Hoạt động thành lập doanh nghiệp không chỉ bảo đảm quyền lợi cho chính chủ doanh nghiệp mà còn mang giúp đảm bảo trật tự quản lý nhà nước cũng như bảo đảm về quyền lợi cho các chủ thể khác khi tham gia hoạt động kinh doanh nói chung. Để tiến hành hoạt động đăng ký doanh nghiệp, các chủ thể trước hết phải đảm bảo thỏa mãn các điều kiện đặt ra của pháp luật về thành lập doanh nghiệp.

2.1.1. Điều kiện thành lập doanh nghiệp

2.1.1.1. Điều kiện về chủ thể thành lập

Thứ nhất, chủ thể kinh doanh là cá nhân

Hình thành nên hoạt động kinh doanh có thể nói đầu tiên chính là các cá nhân, họ được gọi là những “doanh nghiệp tư nhân” để trao đổi mua bán hàng hóa với nhau. Để đảm bảo là một chủ thể kinh doanh là cá nhân khi muốn thực hiện hành vi kinh doanh thỏa mãn các điều kiện như:

Năng lực pháp lý theo Điều 16, Điều 19 Bộ luật dân sự 2015 (độ tuổi, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình), quốc tịch (công dân trong nước hay công dân nước ngoài...); lý lịch tư pháp (có phạm tội không, có bị cấm kinh doanh không...). Việc quy định cá nhân là chủ thể kinh doanh phải thỏa mãn điều kiện năng lực pháp lý là điều hết sức quan trọng. Bởi trong hoạt động kinh doanh việc chủ thể là cá nhân phải luôn biết xác lập nên quyền và nghĩa vụ, biết hưởng quyền, khả năng gánh chịu hậu quả do hành vi của mình gây ra.

Thương trường là nơi diễn ra mọi hoạt động kinh doanh, nếu một chủ thể kinh doanh chưa đạt được độ tuổi nhất định, không có năng lực pháp lý thì không thể thực hiện hoạt động kinh doanh được.

Khả năng tài chính (điều kiện về vốn, có đang lâm vào tình trạng phá sản không?), đối với những ngành nghề có điều kiện đòi hỏi chủ thể kinh doanh phải thỏa mãn những điều kiện kinh doanh đó.

Cá nhân có năng lực hành vi dân sự chỉ mới là điều kiện cần. Để trở thành chủ thể kinh doanh, phần lớn các cá nhân còn phải xin phép hoặc đăng ký kinh doanh (tùy theo ngành nghề kinh doanh) ở các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chỉ sau khi được cấp giấy phép kinh doanh và đã đăng ký kinh doanh, cá nhân mới có năng lực pháp luật trong quan hệ hoạt động kinh doanh, có quyền hoạt động kinh doanh và khi đó mới trở thành chủ thể.

Như vậy, một cá nhân khi thực hiện kinh doanh thương mại trong các hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, xúc tiến thương mại, đầu tư hướng đến lợi nhuận cần phải thỏa mãn các điều kiện trên mới được coi là chủ thể hoạt động trong kinh doanh thương mại.

Thứ hai, chủ thể kinh doanh là pháp nhân

Ngoài đối tượng tham gia hoạt động kinh doanh thương mại là cá nhân hay còn được gọi là “thể nhân” thì còn có chủ thể kinh doanh là pháp nhân là doanh nghiệp thì phải đáp ứng đủ các điều kiện để thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật chuyên ngành như tài sản, tên gọi, địa

chỉ, ngành nghề kinh doanh,...

Pháp nhân là một định nghĩa pháp lý về một thực thể mang tính hội đoàn, thường dùng trong hoạt động kinh doanh thương mại cùng biểu lộ ý chí chung, trở thành chủ thể của các quyền và được pháp luật công nhận, bảo vệ những lợi ích hợp pháp của mình.

Pháp nhân ra đời với tư cách là một chủ thể hoạt động kinh doanh thương mại có tài sản riêng độc lập với tài sản của các thành viên, có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt, chịu trách nhiệm về hành vi kinh doanh của mình bằng tài sản. Với tiêu chí này dùng để xác định pháp nhân là chủ thể hoạt động kinh doanh.

Hiện nay pháp luật các quốc gia quy định và tạo điều kiện cho các chủ thể hoạt động kinh doanh có tư cách pháp nhân là một điều hết sức cần thiết bởi việc sinh ra một pháp nhân hoạt động kinh doanh vừa mang yếu tố phát triển của một nền kinh tế đồng thời vừa mang yếu tố xã hội mà ngày nay người ta hay đánh giá vai trò xã hội của doanh nghiệp.

Khoản 1 Điều 74 BLDS 2015 quy định: *“Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây: được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan; có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của bộ luật này; có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và phải chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập”*.

Để có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật với tư cách là chủ thể độc lập thì tổ chức phải có tài sản nhất định. Tài sản của pháp nhân độc lập với tài sản của các thành viên của pháp nhân và cơ quan chủ quản của pháp nhân, độc lập với tài sản của các tổ chức và cá nhân khác. Tài sản của pháp nhân có thể hình thành do sự đóng góp của các thành viên, hình thành trong quá trình hoạt động, được tặng, cho hoặc được nhà nước giao quyền quản lý tài sản của nhà nước,...

Trên cơ sở có tài sản riêng, pháp nhân phải chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình. Các thành viên của pháp nhân, cơ quan chủ quản của pháp nhân hay

bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác không phải dùng tài sản của mình để chịu trách nhiệm thay cho pháp nhân. Ngược lại, pháp nhân cũng không phải chịu trách nhiệm thay cho cơ quan chủ quản, các tổ chức, cá nhân khác hay thành viên của pháp nhân.

Một trong những yếu tố quan trọng để phân biệt tổ chức có tư cách pháp nhân hay không, đó là căn cứ vào tính độc lập của khối tài sản của tổ chức đó. Tổ chức có tư cách pháp nhân phải là tổ chức mà tài sản của nó phải độc lập với tài sản của các cá nhân, tổ chức khác và khi tham gia các giao dịch dân sự, tổ chức đó phải tự chịu trách nhiệm về tài sản trong phạm vi khối tài sản của mình.

Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập: Với điều kiện là một pháp nhân có tài sản riêng nên việc tách bạch tài sản tạo điều kiện cho pháp nhân có đủ khả năng để hưởng, tự mình thực hiện các quyền và chịu nghĩa vụ khi tham gia các quan hệ kinh doanh. Mặt khác, các chủ thể kinh doanh khi muốn thành lập. Do đó mọi thành viên trong pháp nhân thống nhất về mặt ý chí trong việc sử dụng khối tài sản đó tạo thành “ý chí” của pháp nhân, tức là trao cho pháp nhân một tư cách để pháp nhân “nhân danh” chính mình tham gia các quan hệ kinh doanh.

Như vậy, pháp nhân là doanh nghiệp luôn thống nhất, độc lập, hợp pháp có tài sản riêng và chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình, nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Việc quy định điều kiện để chủ thể là pháp nhân khi trở thành chủ thể hoạt động kinh doanh thương mại để yêu cầu chủ thể đó hoạt động kinh doanh phải hoạt động đúng mục đích, khi thay đổi mục đích kinh doanh phải xin phép đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập để hưởng quy chế pháp lý pháp nhân.

Tóm lại, việc phân chia các chủ thể đăng ký kinh doanh như trên là căn cứ vào đặc điểm và tính chấp pháp lý, kinh tế của chúng mà từ đó phân biệt và lường trước những vấn đề và yêu cầu liên quan đến trình tự, thủ tục cần thiết khi đăng ký kinh doanh, xuất phát từ đặc điểm của từng loại chủ thể.

Pháp luật Việt Nam quy định mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền tham gia thành lập doanh nghiệp, nhưng muốn được đăng ký kinh doanh thì những tổ chức, cá nhân đó phải đảm bảo một số điều kiện nhất định để đảm bảo quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong kinh doanh, bảo vệ lợi ích của xã hội, pháp luật quy định quyền thành lập, góp vốn, mua vốn cổ phần và quản lý doanh nghiệp trừ những trường hợp cụ thể sau;

Theo Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định “Các đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam”:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại DN;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 88 của luật này, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của Luật phá sản, Luật phòng, chống tham nhũng.

Tùy theo các loại hình doanh nghiệp mà các chủ đầu tư lựa chọn, thì điều kiện về số lượng thành viên lại đáp ứng theo yêu cầu của luật quy định:

- + Doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ
- + Công ty TNHH một thành viên: do một cá nhân hoặc một tổ chức làm chủ (có thể thuê, mượn đại diện pháp luật)
- + Công ty trách nhiệm hai thành viên trở nên: thành viên công ty có thể là cá nhân, tổ chức với số lượng thành viên trong công ty không vượt quá 50 người.
- + Công ty cổ phần phải có 3 cá hoặc tổ chức trở lên tham gia với tư cách là cổ đông.

2.1.1.2.Điều kiện về vốn: Theo pháp luật Việt Nam quy định về hai loại vốn: vốn điều lệ và vốn pháp định

Thứ nhất, vốn điều lệ

Đối với vốn điều lệ thì được quy định tại khoản 34 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020: *“Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần.”*

Đặc điểm cơ bản của loại vốn này là: Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ công ty do thành viên góp để tạo thành vốn của công ty. Pháp luật không quy định mức vốn điều lệ tối thiểu/ tối đa khi thành lập công ty. Tuy nhiên, nếu đăng ký vốn điều lệ quá thấp thì sẽ không thể hiện được tiềm lực tài chính của công ty, nhưng nếu đăng ký vốn điều lệ quá cao so với số vốn thực có sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện sổ sách kế toán, thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Thứ hai, vốn pháp định

Vốn pháp định là mức vốn tối thiểu phải có để có thể thành lập một doanh nghiệp. Vốn pháp định do Cơ quan có thẩm quyền ấn định, mà nó được xem là

có thể thực hiện được dự án khi thành lập doanh nghiệp. Vốn pháp định sẽ khác nhau tùy theo lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh. Đối với ngành nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, các nhà đầu tư phải chuẩn bị văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (cụ thể là xác nhận của ngân hàng). Ví dụ: Các tổ chức tín dụng, bất động sản...

2.1.1.3.Điều kiện về ngành nghề kinh doanh

Xác định được ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp rất quan trọng vì ngoài thủ tục đăng ký kinh doanh thông thường, ở một số loại ngành nghề, các nhà đầu tư còn phải xin thêm giấy phép kinh doanh, phải có chứng chỉ hành nghề, hoặc phải đáp ứng thêm một số điều kiện đặc thù của ngành nghề đó mà pháp luật quy định cũng như phải thực hiện đúng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Hiện nay pháp luật doanh nghiệp quy định ba loại hình của ngành nghề kinh doanh chính mà đòi hỏi nhà đầu tư phải thỏa mãn thêm một số yêu cầu đối với việc đăng ký kinh doanh, đó là:

Thứ nhất, ngành nghề cấm kinh doanh

Đối với lĩnh vực ngành nghề mà nhà nước cấm kinh doanh, đòi hỏi chủ thể kinh doanh phải thực hiện nghiêm túc và không được kinh doanh lĩnh vực ngành nghề ảnh hưởng đến đời sống xã hội, văn hóa đạo đức. Nếu kinh doanh những lĩnh vực này coi là vi phạm nghiêm trọng về ngành nghề kinh doanh thậm trí sẽ bị xử lý hình sự. Theo Điều 6 Luật Đầu tư năm 2020 quy định “*Ngành, nghề kinh doanh cấm đầu tư kinh doanh gồm*”:

a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục I của Luật Đầu tư 2020 ;

b) Kinh doanh các hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục II của Luật Đầu tư 2020;

c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý

hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục III của Luật Đầu tư 2020;

d) Kinh doanh mại dâm;

đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người, bào thai người;

e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người;

g) Kinh doanh pháo nổ;

h) Kinh doanh dịch vụ đòi nợ

Doanh nghiệp chỉ bị cấm kinh doanh, đầu tư đối với các nhóm ngành nghề trên đây, ngoài ra đều có quyền tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh khác theo quy định pháp luật.

Thứ hai, ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Theo Điều 7 luật Đầu tư năm 2020 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do an ninh quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

*Điều kiện để được kinh doanh, ngành nghề có điều kiện chính là các yêu cầu từ phía cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc các doanh nghiệp phải có hoặc phải thực hiện các công việc cụ thể trên Giấy phép kinh doanh như mã ngành, nghề; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; Chứng chỉ hành nghề; Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc các yêu cầu khác.

Giấy phép kinh doanh (hay còn được gọi là “giấy phép con”) là loại giấy tờ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép các doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh khi đã đáp ứng các điều kiện ràng buộc.

Sau khi hoàn thành thủ tục thành lập doanh nghiệp, các chủ doanh nghiệp sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nếu lĩnh vực mà doanh nghiệp hoạt động đòi hỏi phải có giấy phép của cơ quan chức năng chuyên ngành thì sau khi có Giấy chứng

nhận thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp phải xin thêm Giấy phép kinh doanh ngành nghề đó thì mới được tiến hành tổ chức đi vào hoạt động.

Thứ ba, ngành nghề kinh doanh có chứng chỉ hành nghề

Chứng chỉ hành nghề là văn bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc hội nghề nghiệp cấp cho các cá nhân, có đủ những trình độ chuyên môn về một ngành nghề nhất định. Đối với ngành nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì tùy theo từng loại hình doanh nghiệp mà chủ sở hữu hoặc người quản lý doanh nghiệp phải có chứng chỉ hành nghề. Ví dụ: kinh doanh dịch vụ pháp lý, kiểm toán, kế toán,...

Nhóm thứ nhất: Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật yêu cầu Giám đốc doanh nghiệp hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì Giám đốc của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh đó phải có chứng chỉ hành nghề, bao gồm: Dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (trong trường hợp không ủy quyền), điều kiện là giám đốc phải có chứng chỉ đại diện sở hữu công nghiệp. Đối với dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân, và dịch vụ khám chữa bệnh y học cổ truyền tư nhân yêu cầu trưởng phòng khám, chủ cơ sở phải có chứng chỉ hành nghề bác sĩ, y, dược, bác sĩ y học cổ truyền,...

Nhóm thứ hai: Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật đòi hỏi cả Giám đốc và người giữ chức vụ quản lý trong công ty phải có chứng chỉ hành nghề bao gồm phải có chứng chỉ hành nghề thì Giám đốc của doanh nghiệp đó và ít nhất một cán bộ chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó phải có chứng chỉ hành nghề. Đối với dịch vụ kiểm toán cần có 5 chứng chỉ hành nghề kiểm toán. Đối với dịch vụ kế toán, pháp luật yêu cầu có 2 chứng chỉ kế toán trưởng.

Nhóm thứ ba: Ngành, nghề mà pháp luật yêu cầu có chứng chỉ hành nghề của người giữ chức danh quản lý trong công ty; không yêu cầu Giám đốc hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề. Bao gồm:

Dịch vụ thú y và kinh doanh thuốc thú y – 1 chứng chỉ hành nghề.

- Sản xuất, mua bán thuốc thú y; thú y thủy sản – 1 chứng chỉ hành nghề
- Giám sát thi công xây dựng công trình – 1 chứng chỉ hành nghề
- Khảo sát xây dựng – 1 chứng chỉ hành nghề
- Thiết kế xây dựng công trình – 1 chứng chỉ hành nghề
- Thiết kế, quy hoạch xây dựng: 3 chứng chỉ hành nghề
- Hành nghề dược và/hoặc kinh doanh dược phẩm – 1 chứng chỉ hành nghề

2.1.1.4.Điều kiện về tên gọi, trụ sở doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức

Thứ nhất, tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp là hình ảnh, là thương hiệu công ty, giúp đối tác có thể tìm kiếm dễ dàng và chính xác, thúc đẩy công việc kinh doanh phát triển, do đó bạn cần chú ý khi đặt tên tránh sai phạm, nhầm lẫn và tranh chấp phát sinh về sau. Tên doanh nghiệp hiện nay không chỉ dùng ở chỗ tạo nên sự phân biệt giữa các chủ thể kinh doanh trên thương trường mà trong nhiều trường hợp đã trở thành tài sản có giá trị lớn (thương hiệu).

Khi tiến hành đăng ký doanh nghiệp, chủ thể kinh doanh được tự do lựa chọn tên phù hợp với các quy định của pháp luật. Luật Doanh nghiệp 2020 quy định tên doanh nghiệp có thể được viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài và tên viết tắt (nếu có).

Theo quy định Điều 37 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 18 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh, thì cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối đăng ký doanh nghiệp cho các chủ thể kinh doanh nếu tên của DN thuộc các trường hợp sau:

Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không được đăng ký tên doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, trừ những doanh nghiệp đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản.

Phòng Đăng ký kinh doanh có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Để tránh tên doanh

nghiệp bị trùng, nhầm và vi phạm quy định về đặt tên doanh nghiệp, ý kiến Phòng Đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng. Trường hợp không đồng ý với quyết định của Phòng Đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp có thể khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 được tiếp tục sử dụng tên doanh nghiệp đã đăng ký và không bắt buộc phải đăng ký đổi tên doanh nghiệp trong trường hợp có tên trùng, tên gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp.

Thứ hai, về trụ sở doanh nghiệp

Điều 42 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: “*Trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc của doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố, phố, đường hoặc thôn, xóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có)*”.

Nếu nơi đặt trụ sở chưa có số nhà, chưa có tên đường thì phải có xác nhận của địa phương là địa chỉ đó chưa có số nhà, tên đường nộp kèm theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Quyền sử dụng hợp pháp địa chỉ công ty như sau;

– Nhà, quyền sử dụng đất, nhà xưởng do công ty mua, tự xây dựng thì phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê đất của công ty hạ tầng, quyết định giao đất cho thuê đất của cơ quan nhà nước hoặc một trong các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu theo luật đất đai.

– Nhà, quyền sử dụng đất, nhà xưởng do công ty thuê thì phải có hợp đồng thuê và các tài liệu chứng minh quyền cho thuê hợp pháp của bên cho thuê: Đất

thổ cư phải thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên cho thuê. Đất dự án, nhà xưởng phải thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thuê và có chức năng cho thuê lại.

Thứ ba, cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức bộ máy doanh nghiệp là tổng hợp các bộ phận khác nhau có mối liên hệ và quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, được chuyên môn hoá, có những trách nhiệm quyền hạn nhất định và được sắp xếp theo từng cấp từng khâu nhằm thực hiện các chức năng quản lý doanh nghiệp. Cơ cấu tổ chức quản lý là hình thức phân công lao động trong lĩnh vực quản trị, có tác động đến quá trình hoạt động của hệ thống quản trị. Cơ cấu tổ chức một mặt phản ánh cơ cấu sản xuất, mặt khác nó tác động tích cực trở lại đến quá trình phát triển sản xuất.

Cơ cấu tổ chức vừa phản ánh cơ cấu sản xuất, vừa tác động tích cực trở lại đến quá trình phát triển sản xuất.

Quản lý doanh nghiệp là một quá trình vận động quy luật kinh tế, quy luật tự nhiên trong việc lựa chọn và xác định những biện pháp (kinh tế, xã hội, tài chính kế toán...) để tác động đến một tập thể người lao động và thông qua họ để tác động đến các yếu tố vật chất của sản xuất kinh doanh. Mục đích của quản lý doanh nghiệp là phát triển sản xuất về số lượng và chất lượng với chi phí thấp nhất và hiệu quả kinh tế cao nhất, đồng thời không ngừng cải thiện tình hình lao động và nâng cao đời sống cho mỗi thành viên trong doanh nghiệp.

Thực chất quản lý doanh nghiệp là quản lý con người, là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất. Quy mô doanh nghiệp và mở rộng vai trò quản lý ngày càng nâng cao và trở thành một nhân tố hết sức quan trọng để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh.

2.1.2.Thẩm quyền cấp đăng ký doanh nghiệp

Cơ quan đăng ký kinh doanh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng kí và cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân.

Cơ quan đăng ký kinh doanh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho các tổ chức, cá nhân. Các quyền, nghĩa vụ và thẩm quyền của cơ quan đăng ký kinh doanh đã được quy định tại Luật doanh nghiệp 2005, Luật doanh nghiệp năm 2014 và đến nay là Luật doanh nghiệp 2020.

Cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (phòng đăng ký kinh doanh trong Sở Kế hoạch và đầu tư, gọi tắt là Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Thẩm quyền cấp đăng ký doanh nghiệp là phòng đăng ký kinh doanh nơi mà doanh nghiệp đăng ký làm trụ sở chính.

2.1.3. Hình thức ĐKKD theo quy định Luật Doanh nghiệp 2020

Theo quy định Luật doanh nghiệp 2020 và NĐ số 01/2021/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh. Hiện nay khi đăng ký thành lập doanh nghiệp có hai hình thức đó là: trực tiếp đến tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc có thể đăng ký doanh nghiệp thông qua mạng điện tử tại trang <https://dangkykinhdoanh.gov.vn> , hai hình thức này đều có hồ sơ, số lượng giấy tờ giống nhau

***Đăng ký kinh doanh trực tiếp**

-Ưu điểm

Thứ nhất, Xử lý hồ sơ một cách nhanh chóng

Thứ hai, Được Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện hướng dẫn cụ thể cho các cá nhân, tổ chức về thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp

Thứ ba, Nếu thiếu giấy tờ thì sẽ có thời gian bổ sung

-Nhược điểm

Thứ nhất, Thời gian nộp hồ sơ chỉ được trong giờ hành chính không được chủ động

Thứ hai, Đăng ký kinh doanh theo hình thức trực tiếp làm mất thời gian di chuyển đến địa điểm đăng ký kinh doanh

Thứ ba, Phải xếp hàng theo thứ tự để làm thủ tục tại bộ phận một cửa của Phòng Đăng ký kinh doanh.

Hình thức đăng ký kinh doanh trực tuyến

*Đăng ký kinh doanh trực tuyến;

-Ưu điểm

- Đăng ký doanh nghiệp qua mạng có thể giúp các cá nhân doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí vì họ có thể trực tiếp ngồi trước máy tính (có kết nối mạng) để thực hiện các yêu cầu về thủ tục đăng ký doanh nghiệp

- Theo dõi quá trình làm thủ tục và biết thời gian lấy kết quả mà không cần phải đến xếp hàng chờ đợi tại bộ phận một cửa như các phương thức đăng ký truyền thống.

- Không chỉ giúp tiết kiệm thời gian và công sức, dịch vụ đăng ký trực tuyến còn giúp khắc phục tình trạng tham nhũng và tình trạng đi cửa sau.

Nhược điểm

- Đăng ký doanh nghiệp trực tuyến chính là các cá nhân tổ chức có nhu cầu đăng kí phải hiểu rõ các thủ tục đăng ký doanh nghiệp để đăng ký cho phù hợp vì việc sửa đổi bổ sung hồ sơ khi đăng ký trực tuyến là rất khó.

- Với hình thức đăng ký doanh nghiệp truyền thống, các cá nhân xếp hàng làm thủ tục và có hướng dẫn của cán bộ, khi sai thì được hướng dẫn cụ thể để sửa. Trong khi đó, đăng ký doanh nghiệp trực tuyến chưa có hướng dẫn cụ thể để sửa hoặc bổ sung tài liệu.

- Dù đăng ký doanh nghiệp trực tuyến nhưng cá nhân và doanh nghiệp vẫn cần đến Sở kế hoạch và đầu tư để nộp hồ sơ bản cứng và nhận kết quả tại bộ phận một cửa (thay vì được nhận tại nhà hoặc công ty như một số nước khác).

2.1.4.Thủ tục đăng ký doanh nghiệp

***Quy định về trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh**

Theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 được thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021. Trên cơ sở kế thừa và tiếp tục phát huy những kết quả và tác động tốt của các cải cách trong Luật Doanh nghiệp 1999, Luật Doanh nghiệp 2005 và Luật Doanh nghiệp 2014, đồng thời khắc phục các hạn chế, bất cập của quy định hiện hành và thể chế hóa các vấn

đề mới phát sinh từ thực tiễn, Luật Doanh nghiệp 2020 đã quy định nhiều điểm mới nổi bật liên quan đến lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp đã phân tích các quy định cũng như giới thiệu các điểm mới về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 được thực hiện các bước như sau:

Chuẩn bị hồ sơ thành lập doanh nghiệp

Bước 1:

- Trình tự thành lập doanh nghiệp thường có nhiều giai đoạn phức tạp khiến nhiều doanh nghiệp dễ mắc sai sót. Vì vậy, các doanh nghiệp cần chuẩn bị kỹ những giấy tờ cần thiết như:

+ Giấy tờ tùy thân: bao gồm các giấy tờ như chứng minh nhân dân, bản sao Hộ chiếu có công chứng và phải không quá 3 tháng.

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh được soạn theo mẫu, dự thảo điều lệ công ty với đầy đủ nội dung, danh sách thành viên hoặc cổ đông góp vốn, chứng chỉ hành nghề và chứng minh vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền (đối với các doanh nghiệp mà nhà nước quy định cần phải có vốn pháp định hay chứng chỉ hành nghề)

Nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp

- Tiếp theo, chủ thể đăng ký doanh nghiệp mang hồ sơ đã chuẩn bị đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Thường sẽ là sở kế hoạch đầu tư của tỉnh hay thành phố.

- Đối tượng đi nộp hồ sơ : với việc nộp hồ sơ thì luật có quy định phải là chủ sở hữu doanh nghiệp, hoặc người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến nộp trực tiếp nếu trường hợp người nộp là người khác thì phải được chủ sở hữu doanh nghiệp, hoặc người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ủy quyền cho đi nộp. Đối với người được ủy quyền thì phải mang theo giấy ủy quyền hợp lệ và giấy tờ cá nhân như chứng minh nhân dân.

Cơ quan đăng ký kinh doanh nhận và kiểm tra hồ sơ

- Sau khi nhận hồ sơ thành lập doanh nghiệp, cơ quan đăng ký sẽ kiểm tra xem hồ sơ có hợp lệ hay không (Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật. (Quy định tại Khoản 20 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020) . Nếu như hồ sơ của doanh nghiệp còn thiếu hay không đạt yêu cầu thì cơ quan đăng ký sẽ thông báo ngay cho doanh nghiệp để sửa chữa và bổ sung kịp thời.
- Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì doanh nghiệp sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Điều kiện để được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp được quy định tại Khoản 1 Điều 27 “Cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” Luật doanh nghiệp 2020;

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;
- b) Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các điều 37, 38, 39 và 41 của Luật này;
- c) Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ;
- d) Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Bước 2;

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Điều 28 Luật doanh nghiệp năm 2020, doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục và phải trả phí theo quy định. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp doanh nghiệp phải thực hiện công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Sự khác biệt giữa Luật doanh nghiệp 2020 với Luật doanh nghiệp 2005 là bỏ ghi ngành nghề kinh doanh trong Giấy CNĐKDN; bỏ việc xác định vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề ... Điều này đã hiện thực hóa quyền tự do kinh

doanh tất cả ngành nghề mà pháp luật không cấm theo quy định tại Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, làm cho doanh nghiệp trở thành công cụ kinh doanh thực sự an toàn, đa công năng và rẻ hơn...

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp liên hệ trực tiếp với cơ quan khắc dấu để khắc dấu pháp nhân cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Sau khi nhận được con dấu pháp nhân và trước khi sử dụng dấu doanh nghiệp phải thực hiện gửi thông báo về mẫu con dấu của doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Sau khi nhận thông báo về mẫu con dấu, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận cho doanh nghiệp, thực hiện đăng tải thông báo của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cấp Thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện cho doanh nghiệp.

2.1.5. Ý nghĩa của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được xem là giấy khai sinh của doanh nghiệp. Về mặt pháp lý, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chứng nhận của cơ quan hành chính công Nhà nước về việc công nhận và bảo hộ quyền sở hữu doanh nghiệp.

2.2. Đăng ký hộ kinh doanh cá thể của cá nhân có đăng ký kinh doanh

2.2.1. Điều kiện đăng ký hộ kinh doanh cá thể

Quy định của pháp luật đối với loại hình doanh nghiệp hộ kinh doanh cá thể quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

- Hộ kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ.
- Không có con dấu.
- Chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

- Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

2.2.2.Thủ tục đăng ký hộ kinh doanh cá thể

- Theo Điều 87 NĐ 01/2021/NĐ-CP về đăng ký đăng doanh đã quy định thủ tục đăng ký kinh doanh với hộ kinh doanh như sau;

1. Đăng ký hộ kinh doanh được thực hiện tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở hộ kinh doanh.

2. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh;

b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

c) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thành lập hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

d) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

3. Khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ hoặc người thành lập hộ kinh doanh biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

4. Nếu sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh mà không nhận được Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh thì người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Định kỳ vào tuần làm việc đầu tiên hàng tháng, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi danh sách hộ kinh doanh đã đăng ký tháng trước cho Cơ quan thuế cùng cấp, Phòng Đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh.

2.3. Đăng ký hợp tác xã

2.3.1. Điều kiện đăng ký hợp tác xã

"Điều 3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã luật hợp tác xã 2012

Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã".

2.3.2. Thủ tục đăng ký hợp tác xã

Bước 1: Nộp hồ sơ

Người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) thuộc Ủy ban nhân dân quận nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Cán bộ, công chức Bộ phận TN&TKQ thuộc Ủy ban nhân dân quận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện Tổ chức/cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ, hoàn thiện các thông tin lên Hệ thống thông tin quốc gia về Đăng ký Hợp tác xã và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả.

Bước 3: Xử lý hồ sơ

- Bộ phận TN&TKQ thuộc Ủy ban nhân dân quận Bàn giao hồ sơ gốc về phòng Tài chính - Kế hoạch thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền:

- Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, phòng Tài chính - Kế hoạch trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về thời gian. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận: Hoàn thiện và cấp Giấy chứng nhận trên hệ thống thông tin quốc gia về Đăng ký Hợp tác xã

- Bàn giao kết quả về bộ phận TN&TKQ

2. Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

Bước 1: Nộp hồ sơ

- Người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

CHƯƠNG 3

THỰC TIỄN ĐĂNG KÝ KINH DOANH TẠI HẢI PHÒNG – MỘT SỐ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

3.1. Khái quát chung về tình hình đăng ký kinh doanh

Sau 2 năm chống lại đại dịch Covid 19 với tỷ lệ tiêm vaccine ngừa COVID-19 tiếp tục tăng, nhiều nước trên thế giới đang lần lượt điều chỉnh chiến lược phòng chống dịch, chuyển từ “zero COVID” sang “sống chung với COVID-19”. Tuy nhiên, việc xuất hiện biến thể mới Omicron đang làm chậm quá trình “bình thường mới” ở một số nước và khiến thế giới đối mặt với nguy cơ một “trận sóng thần” COVID-19 mới.

Sau 2 năm kể từ khi COVID-19 xuất hiện, tiến trình mở cửa trở lại tại nhiều nước đang đối mặt với thách thức mới, đi kèm nguy cơ dịch leo thang nghiêm trọng với sự xuất hiện và lây lan nhanh của biến thể Omicron. Biến thể này đang khiến số ca mắc mới và tử vong tăng trở lại ở nhiều nơi. Theo chuyên gia của WHO, “virus SARS-CoV-2 vẫn tiếp tục phát triển” và những biến thể mới sẽ xuất hiện trong thời gian tới. Các đợt bùng phát có thể xảy ra sau mỗi 3-4 tháng do sự xuất hiện của các biến thể mới. Đặc phái viên WHO nhấn mạnh cuộc chiến chống COVID-19 hiện nay rất phức tạp do các nước đang phát triển không đủ khả năng thực hiện những biện pháp hạn chế cứng rắn bởi vì các biện pháp này sẽ gây tổn hại nghiêm trọng cho nền kinh tế quốc gia.

Trong bối cảnh đó, với tinh thần bám sát Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Kết luận, Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ xác định phương châm hành động của năm 2022 là “Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển” với 06 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành và 12 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội; Xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật; Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất

lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số....

Đồng thời, Chính phủ tiếp tục kiên định với mục tiêu “Cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, nâng cao vị trí của nước ta trên các bảng xếp hạng quốc tế về môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh nhằm thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tăng sức chống chịu của nền kinh tế trong bối cảnh dịch COVID-19; tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp mới thành lập; giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; giảm chi phí đầu vào, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và người dân. Đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19; kịp thời hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, thích ứng linh hoạt, hiệu quả với dịch bệnh”.

Cùng với đó, để đạt được những mục tiêu phục hồi kinh tế, ngày 11/01/2022, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội lớn nhất từ trước tới nay với quy mô gần 350.000 tỷ đồng, thực hiện trong 2 năm 2022 và 2023, trong đó hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là 110.000 tỉ đồng.

Mục tiêu chính của chương trình là tiếp tục chia sẻ khó khăn với người dân, hỗ trợ doanh nghiệp duy trì, ổn định sản xuất - kinh doanh, tạo thêm dư địa cho phát triển mạnh mẽ, bền vững hơn. Đây được coi là cơ hội giúp các doanh nghiệp hồi sinh sau hai năm vật lộn với đại dịch.

Số doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 01/2022 là 13.004 doanh nghiệp, tăng 28,9% so với cùng kỳ năm 2021. Số vốn đăng ký thành lập trong tháng 01/2022 đạt 192.365 tỷ đồng, tăng 24,0% so với cùng kỳ năm 2021. Đáng chú ý, đây là số doanh nghiệp gia nhập thị trường trong tháng đầu tiên của năm cao nhất từ trước đến nay, số vốn đăng ký mới cũng chỉ xếp sau số liệu của tháng 01/2020.

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong tháng 01/2022 là 19.121 doanh nghiệp, tăng 194,0% so với cùng kỳ năm 2021. Đây cũng là số lượng doanh nghiệp tái gia nhập thị trường trong tháng 1 cao nhất từ trước đến nay.

Quy mô và số lượng hộ kinh doanh liên tục tăng nhanh và có những đóng góp hết sức quan trọng với sự tăng trưởng của nền kinh tế trong những năm qua. Tại Việt Nam hiện nay, có hơn 5 triệu hộ kinh doanh với 9 triệu lao động, chiếm tới 16,5% tổng số lao động của cả nước. Hộ kinh doanh tính cả phi nông nghiệp và nông nghiệp đóng góp gần 30% GDP của Việt Nam. Đã có những phân tích cho thấy, hộ kinh doanh có nhiều lợi thế hơn so với doanh nghiệp vì hình thức hoạt động đơn giản, linh hoạt, nghĩa vụ thuế ở mức thấp, hộ kinh doanh thường chọn thuế khoán để thuận lợi hơn trong quá trình hoạt động, tuy nhiên đây cũng là điểm mà các cơ quan thuế chưa kiểm soát được chặt chẽ hoạt động của hộ kinh doanh.

3.2.Thực tiễn đăng ký kinh doanh tại Hải Phòng

Trong 5 năm qua, môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ, việc huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển đạt mức cao nhất từ trước tới nay, đạt 564 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu vốn đầu tư chuyển mạnh theo hướng xã hội hóa. Trong đó, vốn khu vực ngoài nhà nước và FDI đạt 532.150 tỷ đồng, gấp 6,14 lần so với nhiệm kỳ trước. Vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 9,41 tỷ USD, gấp 1,2,3 lần nhiệm kỳ trước.

Sự phát triển của kinh tế - xã hội của Hải Phòng trong 5 năm qua đã theo đúng định hướng phát triển trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ thành phố. Bức tranh tổng quan về sự phát triển kinh tế - xã hội Hải Phòng trong nhiệm kỳ vừa qua đã tạo nên bước phát triển vượt bậc, tạo nền tảng quan trọng để Hải Phòng bứt phá vươn lên, hướng tới là thành phố hàng đầu châu Á.

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ qua, chủ trương của Đảng bộ thành phố về đổi mới công tác đầu tư, khơi thông mọi nguồn lực, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển đã có tính đột phá quan trọng với tổng vốn đầu tư trên địa bàn

thành phố đạt 564.295 tỷ đồng, gấp ba lần nhiệm kỳ 2010 - 2015, trong đó vốn đầu tư từ nguồn lực xã hội chiếm khoảng 90%, vốn đầu tư từ ngân sách là 10%.

Hải Phòng là thành phố lớn thứ 3 của Việt Nam sau thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Từ lâu, Hải Phòng đã nổi tiếng là một cảng biển lớn nhất ở miền Bắc, một đầu nối giao thông quan trọng với hệ thống giao thông thủy, bộ, đường sắt, đường hàng không trong nước và quốc tế, là cửa biển chính của thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc; là đầu mối giao thông quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, trên hai hành lang – một vành đai hợp tác kinh tế Việt Nam với các nước khác. Chính vì vậy, trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội vùng châu thổ sông Hồng, Hải Phòng được xác định là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế động lực phía Bắc (Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh); là Trung tâm kinh tế - khoa học - kỹ thuật tổng hợp của Vùng duyên hải Bắc Bộ và là một trong những trung tâm phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước (Quyết định 1448 /QĐ-TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ). Thành phố Hải Phòng luôn thu hút được rất nhiều nhà đầu tư, doanh nghiệp trong nước và quốc tế do có những điều kiện thuận lợi về giao thương cũng như các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của thành phố Hải Phòng trong thời gian qua tổng số doanh nghiệp ĐKKD trên địa bàn thành phố đến nay là 44792 doanh nghiệp.

Trước tác động của dịch bệnh Covid-19, Chính phủ xác định mục tiêu công tác phòng, chống dịch vẫn là nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của Nhân dân, khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh, trật tự an toàn xã hội; chuyển hướng chiến lược phòng, chống dịch sang “*thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*”. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Nghị quyết đã đưa ra những biện pháp phòng, chống dịch áp dụng thống nhất trên toàn quốc, là một chiến lược ứng phó với dịch bệnh của Chính phủ trong tình hình mới được đông đảo người dân và doanh nghiệp hoan nghênh,

đồng tình ủng hộ. Từ đó tại Hải Phòng hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trường hơn đảm bảo sản xuất kinh doanh là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của các cấp, ngành và của các doanh nghiệp.

Tại Phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đã hướng dẫn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân về các thủ tục đăng ký doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp. Thời gian trung bình xử lý hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp là 1,5 ngày làm việc (rút ngắn hơn nhiều so với quy định theo Luật Doanh nghiệp 2020 là 03 ngày làm việc).

Tại Hải Phòng tính đến tháng 1 năm 2022, toàn thành phố có 2788 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký ước đạt 27,060 tỷ đồng, tăng 4,46% về số doanh nghiệp và tăng 10,76% về số vốn đăng ký so với tháng 1 năm 2021. Số chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh dự kiến thành lập mới là 1494 cơ sở, tăng 7,79% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 1 tháng trong năm 2022 có 1902 và 300 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong tháng 1 năm 2022, số doanh nghiệp thành lập mới tập trung nhiều nhất ở loại hình công ty TNHH 1 thành viên với 129 (30,9%) công ty đăng ký thành lập, tiếp đến văn phòng đại diện 120 (28,8%) văn phòng, công ty TNHH 2 thành viên 63 (15,1%) công ty đăng ký thành lập, công ty cổ phần 60 (14,4%) công ty đăng ký thành lập, địa điểm kinh doanh 15 (3,6%) địa điểm mới thành lập, chi nhánh thành lập mới 15 (3,6%), hộ đăng ký kinh doanh 15 (3,6%)

Do dịch Covid – 19 bùng phát trở lại trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong tháng nhiều doanh nghiệp yếu thế đã phải phá sản, giải thể do không thể chống chịu được dịch Covid-19, tạm ngừng kinh doanh hoặc kinh doanh cầm chừng do kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ trong điều kiện kinh doanh rất khó khăn. Tỷ lệ cao nhất về giải thể là công ty TNHH 1 thành viên 13 công ty chiếm 37,1%, công ty cổ phần 11 công ty (31,4%), công ty TNHH 2 thành viên

(28,6%), doanh nghiệp tư nhân 1 (2,9%) về tỉ lệ tạm dừng hoạt động công ty TNHH 1 thành viên 77 công ty (42,1%), công ty TNHH 2 thành viên (24,6%), văn phòng đại diện 26 (14,2%), chi nhánh 3 (1,6%), địa điểm kinh doanh 2 (1,1%), doanh nghiệp tư nhân (1,1%).

***Thuận lợi**

Thứ nhất, Hải Phòng là một thành phố cảng lớn nhất miền Bắc, một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống giao thông đường thủy, bộ, đường sắt, đường hàng không thu hút được nhiều doanh nghiệp trong nước và quốc tế

Thứ hai, thành phố Hải Phòng có những chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp như cho thuê đất giá rẻ...

Thứ ba, thủ tục đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố được xử lý nhanh chóng, hướng dẫn tận tình cho doanh nghiệp giúp các doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và thời gian.

Thứ tư, thành phố cũng kiện toàn hệ thống đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, hình thành một số trung tâm nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo theo hướng liên kết với các doanh nghiệp. Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù thu hút, trọng dụng, đãi ngộ cho cán bộ quản lý và chuyên gia khoa học công nghệ.

Thứ năm, tập trung mở rộng các khu, cụm công nghiệp, tăng cường quản lý khu công nghiệp, khắc phục các vi phạm trật tự xây dựng. Các khu công nghiệp đạt tiêu chí văn minh, hiện đại; thu hút công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao.

***Khó khăn**

Thứ nhất, với lượng doanh nghiệp lớn đóng trên địa bàn Hải Phòng, vấn đề quản lý nhà nước và thực thi pháp luật đăng ký doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn và phức tạp. Điều này có thể thấy rõ ở số lượng các công ty ma, công ty bỏ trốn và nợ thuế ngày càng tăng ở Hải Phòng, gây khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước; hệ thống pháp luật đang trong quá trình điều chỉnh và hoàn thiện; hệ quả của quá trình phát triển Cơ quan đăng ký kinh doanh không đúng

theo trình tự chưa có sự quan tâm đúng mức đến công tác quản lý đăng ký kinh doanh.

Thứ hai, Hải phòng là một thành phố lớn có sức hút đầu tư rất cao số lượng hồ sơ đăng ký kinh doanh tăng nhanh trong khi đó khối lượng cán bộ làm công tác kinh doanh gần như không thay đổi, đã tạo áp lực lớn cho cán bộ Phòng Đăng ký kinh doanh cho nên một số cán bộ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra.

Thứ ba, khung khổ pháp lý về quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập chưa được hoàn thiện. Do khó khăn về nguồn nhân lực nên hầu hết các địa phương chưa thể tổ chức riêng bộ phận hậu kiểm trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp; Sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả; Ý thức tuân thủ và chấp hành quy định pháp luật của một bộ phận doanh nghiệp tham gia vào thị trường còn kém. Cùng với sự tăng trưởng nhanh về số lượng doanh nghiệp qua từng năm thì các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp cũng tăng lên, cả về số lượng và mức độ vi phạm. Điều này khiến cho việc phối hợp và xử lý vi phạm của các cơ quan quản lý nhà nước gặp nhiều khó khăn;

Thứ tư, đa số thiết bị của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã đến giai đoạn phải thay thế, nâng cấp, nếu xảy ra sự cố sẽ gây ảnh hưởng lớn đến tính ổn định, an toàn của Hệ thống;

Thứ năm, về các công ty tư vấn đăng ký thành lập doanh nghiệp, nhân viên tư vấn chưa tư vấn rõ được cho khách hàng chi tiết về các loại hình doanh nghiệp ví dụ như: Về “Quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông”

3.3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật để điều chỉnh hoạt động đăng ký kinh doanh

3.3.1. Đối với chủ thể kinh doanh

Theo Khoản 1 Điều 17 Luật doanh nghiệp năm 2020: “*Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này*”. Theo quy định của

điều luật này thì chủ thể thực hiện hành vi kinh doanh được hiểu gồm 3 nhóm chủ thể:

Nhóm 1: gồm những người có cả 3 quyền: thành lập, góp vốn, và quản lý doanh nghiệp;

Nhóm 2: có 2 quyền: góp vốn và quản lý;

Nhóm 3: chỉ có quyền góp vốn (không có quản lý).

Kể từ khi Hiến pháp Việt Nam ra đời đều đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh và Hiến pháp 2013 có sự kế thừa và quy định “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”. Như vậy, quyền tự do kinh doanh là quyền thành lập doanh nghiệp của người dân, pháp luật đăng ký kinh doanh nên bảo đảm và cụ thể hoá Hiến pháp để thực sự trở thành cơ sở pháp lý quan trọng đảm bảo cho công dân được hưởng đầy đủ quyền tự do kinh doanh. Do đó, Nhà nước cần phải xem xét lại quy định của nhóm 3 là hoàn toàn không hợp lý khi chủ thể đã góp vốn vào thành lập doanh nghiệp thì chủ thể đương nhiên có quyền quản lý để đảm bảo quyền lợi của mình trong việc giám sát đồng vốn mà họ đã bỏ ra

Mặt khác, đăng ký kinh doanh là một thủ tục khai sinh nên một hình thức kinh doanh mới, nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh, mặt khác cũng đảm bảo quyền tự do kinh doanh. Để bảo quản lý nhà nước trong hoạt động đăng ký kinh doanh, tránh tình trạng việc đăng ký kinh doanh không đúng theo quy định của pháp luật, Nhà nước cần quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể khi có ý định khởi sự doanh nghiệp.

Pháp luật về đăng ký kinh doanh quy định về xử phạt vi phạm đăng ký kinh doanh bước đầu mới chỉ dừng lại ở xử lý vi phạm hành chính. Do đó, để chủ thể kinh doanh có ý thức chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh, ngay từ khi có ý tưởng thành lập doanh nghiệp đã phải có ý thức tuân thủ pháp luật kinh doanh cái gì theo đúng pháp luật và chỉ được kinh doanh những gì mà pháp luật cho phép. Khi đến khâu chuẩn bị hồ sơ phải chịu trách nhiệm, toàn bộ thông tin ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh phải gắn trách nhiệm của mình trong đó. Khi có

thông tin cần phải thay đổi, bổ sung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh doanh nghiệp phải báo cáo kịp thời với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Nhằm tăng cường công tác quản lý trong việc đăng ký kinh doanh, ở Việt Nam hiện nay thực hiện theo chủ trương tăng cường công tác “hậu kiểm”. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện chủ trương này nhiều địa phương cũng chưa thực sự làm tốt vẫn còn để tình trạng vi phạm pháp luật trong công tác đăng ký kinh doanh diễn ra hàng năm. Do đó, để thực sự đảm bảo được quyền tự do kinh doanh của công dân, đồng thời thực hiện được công tác quản lý nhà nước trong việc đăng ký kinh doanh đòi hỏi nhà nước cần phải có những chế tài siết mạnh tính chịu trách nhiệm của các chủ thể khi thực hiện hoạt động đăng ký kinh doanh. Bởi lẽ, việc kinh doanh ngoài việc thỏa mãn nhu cầu, ý chí của các chủ thể kinh doanh thì cũng cần phải yêu cầu các chủ thể thực thi tốt vấn đề đạo đức trong kinh doanh. Mà một trong những nguyên tắc của đạo đức kinh doanh đó là tính trung thực, tôn trọng con người. Cho nên, một chủ thể kinh doanh khi thực hiện hành vi kinh doanh cố tình lừa dối, dung mọi thủ đoạn, không trung thực trong việc chấp hành pháp luật thì cần phải loại bỏ không thể để những chủ thể như thế gia nhập thị trường.

3.3.2.Đối với ngành nghề kinh doanh

Hiện nay Luật Doanh nghiệp 2020 đã tạo một bước đột phá mới khi quy định nội dung trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ không còn ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi tiến hành đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp vẫn phải đăng ký ngành nghề dự kiến hoạt động. Theo đó, ngành nghề được thể hiện cụ thể trên giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp trong hồ sơ đăng ký thành lập. Đồng thời, nếu doanh nghiệp thay đổi ngành nghề kinh doanh thì doanh nghiệp vẫn phải thực hiện thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Như vậy, toàn bộ quy trình về đăng ký ngành nghề mới, cũng như thay đổi ngành nghề kinh doanh không ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh mà được tập hợp lưu thông tin tại Cổng thông tin quốc gia vẫn giúp nhà nước trong hoạt động quản lý doanh nghiệp, sự giám sát của xã

hội đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, để giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc đăng ký mã ngành kinh doanh, đòi hỏi nhà nước cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Việc quy định mã ngành cần phải được quy định rõ ràng, cụ thể, chi tiết, tạo điều kiện cho chủ thể kinh doanh dễ dàng áp dụng; đặc biệt các ngành kinh doanh cấp bốn phải được cụ thể hóa, bao quát hết các ngành kinh doanh hiện nay. Hầu hết các doanh nghiệp khi đăng ký kinh doanh không phải chỉ có đăng ký duy nhất một ngành nghề kinh doanh, mà đăng ký hầu như rất nhiều ngành nghề cùng một lúc. Do vậy, việc quy định cấp nhiều mã ngành cùng một lúc cho doanh nghiệp thì phải đặt vấn đề có cơ chế theo dõi, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh hết tất cả các ngành nghề đó không, để tránh việc doanh nghiệp không kinh doanh mà cứ đăng ký thì cũng chẳng sao. Câu chữ trong mã ngành cần phải cụ thể, rõ ràng, đơn nghĩa cấu trúc để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh dễ áp dụng cũng như cho chính các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, tránh việc họ áp dụng sai, làm sai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh.

Tăng cường công tác hỗ trợ chủ thể doanh nghiệp khi áp dụng mã ngành. Vì đôi khi không phải ngành nghề nào chủ thể kinh doanh cũng tìm được mã ngành luôn mà nhiều khi việc kinh doanh xuất phát từ nhu cầu phát triển của thị trường có khi có những ngành kinh doanh mới mà chưa có mã ngành thì đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh để giúp chủ thể kinh doanh được khởi sự doanh nghiệp sớm. Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh doanh, cũng như đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân, Nhà nước nên xem xét có nên áp dụng, duy trì việc áp dụng mã ngành kinh doanh cho doanh nghiệp như hiện nay không?

Ngoài ra, đối với lĩnh vực ngành nghề bị cấm kinh doanh nên quy định ở một nguồn văn bản pháp luật nhất định, tránh để tình trạng ban hành ở nhiều quy định khác nhau, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tìm hiểu, tiếp cận, vì nếu nhà đầu tư nước ngoài thì cũng chịu sự điều chỉnh của Luật doanh

nghiệp. Do đó, nhà nước nên quy định danh mục ngành nghề bị cấm kinh doanh ở ngay Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp. Cụ thể đó là chỉnh sửa bổ sung Nghị định 47/2021/NĐ-CP. Sự quy định này đảm bảo tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật Việt Nam.

3.3.3.Đối với thủ tục đăng ký kinh doanh

Thứ nhất, để tạo thuận lợi cho người thực hiện, cần áp dụng hoàn toàn dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với thủ tục thành lập doanh nghiệp. Theo đó, cần phải nâng tầm pháp lý của tài khoản đăng ký kinh doanh để đảm bảo người dùng chỉ cần sử dụng tài khoản này để nộp trực tuyến là đủ. Đồng thời, kết quả giải quyết thủ tục là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ được lưu trữ trực tuyến, cho phép doanh nghiệp chỉ cần sử dụng tài khoản đăng ký kinh doanh để thực hiện tra cứu thông tin hoặc in Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ở bất kỳ đâu hoặc bất kỳ lúc nào tùy theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp.

Thứ hai, để giảm thiểu thành phần hồ sơ của thủ tục này là: Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người Việt Nam thì cần có sự kết nối, chia sẻ các thông tin của người dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, theo đó người dân khi thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ không phải nộp bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực, mà chỉ cần cung cấp họ tên và mã số công dân; các thông tin cá nhân khác sẽ được tự động trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Thứ ba, để giảm thiểu thành phần hồ sơ là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong quá trình doanh nghiệp thực hiện các thủ tục khác sau khi thành lập đề nghị có sự chia sẻ dữ liệu về doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước khác. Theo đó, doanh nghiệp chỉ cần cung cấp tên và mã số doanh nghiệp trong các mẫu đơn, tờ khai khi thực hiện các TTHC khác. Cơ quan nhà nước giải quyết TTHC có trách

nhiệm tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Để có thể thực hiện các nội dung cải cách trên thì cần thiết sửa các nội dung liên quan trong Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, Bộ Công an cần sớm hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đảm bảo điều kiện tích hợp và chia sẻ thông tin với Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3.3.4. Đối với tổ chức hoạt động đăng ký kinh doanh

Nghị định số 01/2021/NĐ-CP được ban hành đã cụ thể hoá những có những cải cách, đổi mới của Luật Doanh nghiệp, đồng thời khắc phục những bất cập, xử lý những vướng mắc trong thời gian qua:

Một là, Nghị định quy định rõ ràng, cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đơn giản hoá, cắt giảm thành phần hồ sơ, giảm tải các thông tin phải kê khai nhờ tận dụng tối đa các thông tin sẵn có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các hệ thống thông tin đã kết nối.

Hai là, tiếp tục hiện đại hoá, chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác đăng ký doanh nghiệp thông qua việc nâng cấp, hoàn thiện các quy định về đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, thực hiện cung cấp hầu hết dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 giúp giảm thời gian, chi phí thành lập doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận nguồn thông tin chính thống, có giá trị pháp lý về doanh nghiệp, tăng khả năng giám sát của cộng đồng đối hoạt động của doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác ‘hậu kiểm’, minh bạch hóa môi trường kinh doanh.

Ba là, bổ sung thêm đối tượng thực hiện đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh là các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của Luật Chứng khoán năm 2019.

Bốn là, hoàn thiện các quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đặc biệt là xử lý triệt để hành vi kê khai không trung thực, không chính xác, giả mạo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, xử lý các doanh nghiệp “bỏ trốn, mất tích” nhằm tăng tính răn đe, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, an toàn.

Năm là, hoàn thiện một bước khung khổ pháp lý về hộ kinh doanh, thể chế hoá các quy định về hộ kinh doanh đã được dự kiến đưa vào Luật Doanh nghiệp 2020.

KẾT LUẬN CHUNG

Hoạt động đăng ký kinh doanh là hoạt động vô cùng quan trọng không chỉ cho doanh nghiệp thực hiện khởi sự doanh nghiệp mà còn là cơ sở để nhà nước quản lý hoạt động đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp. Do đó, để hoạt động đăng ký kinh doanh đạt hiệu quả và đảm bảo lợi ích cho các chủ thể, đòi hỏi cần phải có nhiều giải pháp để hoàn thiện trong công tác đăng ký kinh doanh.

Sự thay đổi của hệ thống pháp luật cùng những chính sách phù hợp từ phía các ban ngành như sự thay đổi về cơ quan đăng ký kinh doanh với những chức năng, nhiệm vụ được cụ thể hóa sẽ tạo ra môi trường làm việc để tiếp nhận các chủ thể đến đăng ký kinh doanh dễ dàng hơn. Những giải pháp về hệ thống giấy phép hiện nay cũng đang được bàn luận rất nhiều từ khâu có rất nhiều thông tin được ghi trong giấy phép đăng ý kinh doanh nay chỉ còn rút ngắn xuống bốn thông tin. Đây thực sự là một cải cách rất tiến bộ trong hoạt động cấp phép đăng ký kinh doanh, tạo ra môi trường thông thoáng trong hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay chỉ số môi trường hoạt động kinh doanh vẫn còn rất thấp nếu so với các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế. Cho nên, những giải pháp mà khoá luận này đưa ra với mong muốn tạo nên một môi trường kinh doanh thật hấp dẫn và thật sự phải vì doanh nghiệp, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó, có cái nhìn tổng quát cho hoạt động đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948.
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Công ty năm 1990
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp năm 1992.
5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp năm 2013
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Dân sự năm 2015.
7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật doanh nghiệp 2020
8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Đầu tư năm 2020
9. Chính Phủ, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2015 về đăng ký kinh doanh
10. Chính Phủ, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 về đăng ký kinh doanh